

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ - PT

Ngày: 18 - 9 - 2020

*V/v: Kiện xin ly hôn, chia tài sản
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Bà Hà Thị Ngọc Bích
- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 09 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT- HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2020 về việc Kiện xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ - ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/QĐPT - TA ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Phạm Thị Hương Lan, sinh năm 1975. Địa chỉ: số 1 - L1 - ngõ 65, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* ông Đoàn Quốc H, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 1985;

+ Anh Đoàn Quang Tr, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Tiểu khu 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- + Công ty TNHH Đ. Địa chỉ: tiểu khu 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.
- + Công ty TNHH Vận tải Thương mại V. Địa chỉ: tổ 6, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.
- + Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp QP. Địa chỉ: Số 102, Kim Mã Thượng, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.
- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đỗ Thị Th, bị đơn ông Đoàn Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2017 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Đỗ Thị Th trình bày:

Bà với ông Đoàn Quốc H tự nguyện kết hôn với nhau năm 1985, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện U, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác không quan tâm đến vợ, bà Th khuyên bảo nhiều lần nhưng ông H không thay đổi dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay bà Th không còn tình cảm với ông H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: có hai con chung là Đoàn Văn Q, sinh ngày 25/12/1985 và cháu Đoàn Quang Tr, sinh ngày 25/12/1990. Các con đều trưởng thành, có công ăn việc làm ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Về đất ở: có 04 thửa đất, cụ thể: Thửa đất số 17 với diện tích là 430m² (trong đó đất ở là 200m² và 230m² đất hành lang giao thông) tại tiểu khu 04, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đoàn Quốc H). Trên đất có Ngôi nhà cấp IV, xây 03 tầng(01 tầng hầm) và các tài sản khác trên đất; Thửa đất số 250, tờ bản đồ 145- A - III, diện tích 41,3 m² tại tiểu khu 04, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, trên đất có ngôi nhà cấp III; Thửa đất số 48, tờ bản đồ 145- A - IV, diện tích 27,5 m² tại tiểu khu 04, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, trên đất có Ngôi nhà cấp IV; Thửa đất số 331 diện tích là 72 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Đoàn Quang Tr tại tiểu khu 13, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Trên đất có Ngôi nhà cấp IV, 02 tầng.

Tài sản là ô tô: có 03 chiếc là ô tô tải tự đổ, BKS: 29C - 408.14, nhãn hiệu HYUNDAI, màu ghi sẫm, đăng ký mang tên Đỗ Thị Th; Ô tô tải tự đổ, BKS: 29C- 023.18, nhãn hiệu HYUNDAI, màu ghi sẫm, đăng ký mang tên Đoàn Quốc H.; Ô tô con, BKS: 30A - 422.73, nhãn hiệu Toyota, màu đen, do ông Đoàn Quốc H đứng tên. Đề nghị xem xét số tiền lợi nhuận thu được từ 2 chiếc xe ô tô tải từ tháng 5 năm 2017 đến nay.

Tài sản là tiền gửi tại Ngân hàng: Tổng số tiền gửi và tiền lãi tại Ngân hàng

Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện L từ ngày 12/03/2012 đến ngày 17/5/2017 hơn 3.500.000.000đ. Bà đã rút hai lần vào ngày 16/5/2017 rút 942.000.000 đồng về để ở tủ trong nhà nhưng ông H đã lấy mà bà không biết, lần rút ngày 17/5/2017 là 582.000.000 đồng đã chi tiêu trong gia đình hết. Đối với tiền 1.315.961.000đ gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Phòng giao dịch huyện L đã rút để mua đất và làm nhà tại tiểu khu 13 thị trấn L, huyện L. Hiện tại ông H đang cầm số tiền mặt là 354.000.000 đồng.

Tiền nợ: Công ty TNHH Đ còn nợ số tiền 500.000.000đ và Công ty TNHH Vận tải thương mại V, còn nợ số tiền 190.000.000đ. Ngoài ra các khoản mà Đoàn Văn K vay 15.000.000đ, ông Đoàn Văn L vay 5.000.000đ, ông Đỗ Cao S vay 50.000.000đ, Công ty N vay 11.200.000đ thì đã trả ông H.

Bà Đỗ Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản trên cho mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn là ông Đoàn Quốc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, về con chung ông Đoàn Quốc H cũng thống nhất như bà Đỗ Thị Th đã trình bày nhưng theo ông nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là về kinh tế gia đình, bà Th là người nắm giữ tiền bạc trong gia đình nhưng việc chi tiêu không rõ ràng dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau. Nay bà Th yêu cầu được ly hôn, ông nhất trí.

Về tài sản chung: Về đất và tài sản trên đất, ông H thống nhất như bà Th khai, chỉ riêng nhà đất tại tiểu khu 13, thị trấn L, huyện L ông không thừa nhận là tài sản chung. Đối với tài sản là ô tô, ông H thống nhất với lời khai của bà Th vợ chồng có 3 xe ô tô. Đối với các khoản nợ: ông H khai hiện tại Công ty TNHH Đ chỉ nợ số tiền 4.842.000đ và công ty TNHH Vận tải thương mại V còn nợ 58.000.000đ. Đối với số tiền gửi Ngân hàng ông H không đồng ý vì cho rằng phải còn khoảng hơn 5 tỷ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L, sau khi trừ các khoản chi tiêu thì bà Th phải trả cho ông số tiền là 1.524.000.000 đ. Về số tiền mặt: Ông H thừa nhận đang cầm số tiền là 354.000.000đ.

Ông Đoàn Quốc H yêu cầu Tòa án giải quyết chia số tài sản trên cho ông hưởng $\frac{2}{3}$ còn lại bà Th hưởng $\frac{1}{3}$.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Anh Đoàn Quang Tr trình bày: Anh là con đẻ của ông H và bà Th, toàn bộ tài sản hiện nay là của bố mẹ, anh không có công sức đóng góp. Năm 2017 bà Th có mua mảnh đất tại tiểu khu 13, thị trấn L và để cho anh đứng tên trong Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Nhà đất này là của bà Th ông H, anh chỉ đứng tên hộ, không có đóng góp. Vì vậy anh không có yêu cầu về tài sản của bố mẹ.

Anh Đoàn Văn Q trình bày: Anh là con đẻ của ông H và bà Th, toàn bộ tài sản hiện nay là của bố mẹ, anh không có công sức đóng góp nên không có yêu cầu giải quyết về tài sản.

Công ty TNHH V trình bày: Công ty V có nợ tiền cước xe vận tải của ông Đoàn Quốc H, đến thời điểm này còn nợ số tiền là 58.000.000đ.

Công ty TNHH Đ trình bày: Công ty Đ có nợ tiền cước xe vận tải của ông Đoàn Quốc H, đến thời điểm này còn nợ số tiền là 4.842.000đ.

Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp QP trình bày: Công ty có thuê nhà của bà Đỗ Thị Th do anh Đoàn Quang Tr đứng tên trong GCNQSDĐ tại tiểu khu 13, thị trấn L, huyện L. Ông Đoàn Quốc H và bà Đỗ Thị Th ly hôn chia tài sản, công ty không có ý kiến yêu cầu gì.

Bản án số 11/2019/HNGĐ - ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33 khoản 1 Điều 51, 55, Điều 57, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Th

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Th với ông Đoàn Quốc H.

2. Về tài sản chung:

* Chia cho ông Đoàn Quốc H các tài sản sau:

- Thửa đất số 17, tờ bản đồ 145- A - III, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đoàn Quốc H, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 08/10/2010, tọa lạc tại địa chỉ: tiểu khu 04, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Diện tích theo giấy chứng nhận được cấp là 430m². Trị giá 1,9 tỷ. Trên đất có Ngôi nhà cấp IV, xây 03 tầng(01 tầng hầm), tường xây gạch, cửa khuôn kép gỗ, nền gạch lát gạch hoa, điện nước, vệ sinh khép kín, diện tích một mặt sàn là 85,1 m² (1 sàn)* 3 (3tầng) = 255,m², xây dựng năm 2010. Phía trước sân nhà mái lợp tôn, khung thép, nền bê tông, cửa sắt, diện tích 121,44m²,trị giá 669.417.000đ và mái tum lợp tôn trước sân nhà: Khung thép, nền bê tông, cửa sắt diện tích 121,44m² trị giá 82.579.000đ.

- Tạm giao cho ông H thửa đất số 250, tờ bản đồ F48-116 -(145- A – III), diện tích 41,3 m²; tọa lạc tại địa chỉ: Tiểu khu 04, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, tên người sử dụng ông Đoàn Quốc H và bà Đỗ Thị Th (Trích lục từ tờ bản đồ số F48

- 116 - (145- A- IV). Trị giá 392.350.000 đồng. Trên đất có Ngôi nhà cấp III, xây 4 tầng, tường gạch, cửa khuôn gỗ, nền lát gạch hoa, điện nước, vệ sinh khép kín, diện tích $45,85\text{m}^{2(1\text{sàn})} \times 4 \text{ (tầng)} = 183,4\text{m}^2$, xây năm 2004, trị giá 311.163.000đ, phía trước có mái tôn thường, vì kèo thép, nền lát gạch đỏ, diện tích $22,75\text{m}^2$ trị giá 5.005.000đ.

- Ô tô tải tự đổ, BKS: 29C- 023.18, nhãn hiệu HYUNDAI, đăng ký xe mang tên Đoàn Quốc H, trị giá 550.000.000 đ và Ô tô con, BKS: 30A - 422.73, nhãn hiệu Toyota, màu đen, đăng ký mang tên Đoàn Quốc H trị giá 700.000.000 đ.

- Số Tiền mặt: Ông H đang giữ số tiền là 354.000.000 đ và tiền nợ đã nhận của ông Đỗ Cao S 50.000.000đ, Đoàn Văn L 5.000.000đ, Đoàn Văn Kh 15.000.000đ, số tiền nợ của Công ty Đ và Công ty V là 62.842.000đ. Tổng là 486.842.000đ.

- Số tiền 250.000.000đ từ thu nhập xe ô tô trong thời gian từ tháng 5/2017 đến nay.

Tổng giá trị là 5.308. 036.000 đ, khấu trừ chênh lệch tài sản, ông H phải trả cho bà Th 500.000.000đ (Năm trăm triệu), số còn lại ông H được nhận trị giá 4.808.036.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm linh tám triệu không trăm ba sáu ngàn đồng).

* Chia cho Bà Đỗ Thị Th các tài sản sau :

- Thừa đất số 331, tờ bản đồ F48- 116(146 - III, diện tích là 72 m^2 , giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Đoàn Quang Tr, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 23/11/2017, tọa lạc tại địa chỉ: Tiểu khu 13, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, diện tích theo giấy chứng nhận được cấp là 72m^2 . Trị giá 550.000.000đ. Trên đất có Ngôi nhà cấp IV, 02 tầng, xây năm 2017, diện tích 72m^2 , trị giá 547.706.000đ. Tổng giá trị là 1.097.706.000đ.

- Tạm giao cho bà Th Thừa đất số 48, tờ bản đồ 145- A - IV, diện tích $27,5 \text{ m}^2$; tọa lạc địa chỉ: Tiểu khu 04, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, tên người sử dụng ông Đoàn Quốc H và bà Đỗ Thị Th (Trích lục từ tờ bản đồ số F48 - 116- (145- A- IV), chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trị giá 261.250.000đ. Trên đất có ngôi nhà cấp IV, lợp bờ rô xi măng, vì kèo buong tre, tường xây gạch đỏ, diện tích $22,7\text{m}^2$. Trị giá 7.450.000đ.

- Ô tô tải tự đổ, BKS: 29C - 408.14, nhãn hiệu HYUNDAI, màu ghi sẫm, đăng ký xe mang tên Đỗ Thị Th, trị giá 550.000.000đ.

- Số tiền 1.524.000.000đ đã rút từ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện L

- Bà Th được nhận tiền khấu trừ giá trị tài sản từ ông H là 500.000.000đ (Năm trăm triệu).

Tổng giá trị tài sản bà Th được nhận là là 3.940.406.000đ (Ba tỷ chín trăm bốn mươi triệu bốn trăm linh sáu nghìn).

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/11/2019 , bà Đỗ Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà Th khai về hôn nhân bà và ông H thuận tình ly hôn, Tòa án đã công nhận nên không có ý kiến. Bà chỉ kháng cáo phần chia tài sản chung, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xem xét số tiền nợ của khách hàng phải là 760.000.000đ; về đất bà muốn được quyền sử dụng thửa đất số 331 và thửa số 250; lợi nhuận thu được từ 03 xe ô tô. Tổng số tài sản chung là bao nhiêu đề nghị được chia đôi.

Ngày 04/12/2019, ông Đoàn Quốc H kháng cáo phần chia tài sản chung, đề nghị Tòa án xem xét khoản tiền 250.000.000đ tiền lợi nhuận của xe ô tô, khoản tiền này ông không được cầm nhưng cấp sơ thẩm vẫn xác định là tài sản chung; Tiền gửi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ hết số tiền; khoản tiền 1.315.961.000đ mà bà Th khai đã rút từ Ngân hàng BIDV về để mua thửa đất số 331 tại tiểu khu 13, thị trấn L, huyện L ông không nhất trí xác định thửa đất là tài sản chung mà chỉ đề nghị Tòa án chia khoản tiền 1.315.961.000đ gửi tại Ngân hàng; số tiền 100.000.000đ và 05 cây vàng mà bà Th cầm phải xác định là tài sản chung để chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th và ông H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Th trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công sức đóng góp của bà Th trong quá trình hình thành khối tài sản chung. Tòa án L xác định bà Th có công sức đóng góp ít hơn là không đúng mà phải là ngang nhau. Tuy nhiên, do ra bản án sơ thẩm có những lỗi mà không thể khắc phục được, cụ thể: Thửa đất số 17, chỉ định giá 200m² đất là không đúng mà còn tính cả đất hành lang giao thông tạm thời căn cứ Điều 59 Nghị định 43 phải coi là tài sản chung. Đối với thửa đất 48 và 250 không căn cứ vào thực tế việc chuyển nhượng, xác định loại đất tại thửa 48 chưa chính xác dẫn đến việc Tòa án L tạm giao quyền sử dụng đất là chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Thửa đất số 331 giao cho bà Th sử dụng nhưng không thu hồi giấy chứng quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Quang Tr. Với những thiếu sót này, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308,

310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị hủy bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Th có khởi kiện đối với ông Đoàn Quốc H về việc xin ly hôn, chia tài sản chung. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Kiện xin ly hôn, chia tài sản khi ly hôn là đúng. Bị đơn có địa chỉ tại huyện L, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn Q, Đoàn Quang Tr, Công ty TNHH Đ, Công Ty TNHH V có đơn xin xét xử vắng. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự có tên nêu trên là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Th và ông Đoàn Quốc H là hợp pháp. Nay các bên thỏa thuận nhất trí ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận việc thuận tình ly hôn của bà Th và ông H theo đúng quy định của pháp luật. Tại đơn kháng cáo của bà Th đề nghị kháng cáo toàn bộ bản án. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bà Th khai không kháng cáo phần hôn nhân mà chỉ kháng cáo phần chia tài sản chung, bà nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc công nhận thuận tình ly hôn nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị Th và ông Đoàn Quốc H về chia tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1]. Đối với tài sản là đất và nhà ở: Bà Th và ông H đều khai thống nhất có 03 mảnh đất và nhà trên đất tại các thửa số 17, 250 và 48.

Đối với thửa đất số 17, đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đoàn Quốc H, cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung là có căn cứ.

Đối với thửa đất số 250 và thửa đất số 48, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà Th và ông H đều khai nguồn gốc là do nhận chuyển nhượng, giữa các bên chỉ viết tay với nhau, cụ thể thửa đất số 250

nhận chuyển nhượng của ông Đoàn Gia Tr, bà Hoàng Thị V, thửa đất số 48 nhận chuyển nhượng của ông Đoàn Ngọc S, đề nghị Tòa án nhân dân huyện L chia tài sản đối với hai thửa đất trên. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bà Th và ông H có đơn đề nghị định giá lại đất và tài sản trên đất với lý do kết quả định giá lần đầu của Hội đồng định giá huyện L là cao, không phù hợp với giá thị trường. Quá trình định giá lại tài sản, Hội đồng định giá không thể tiến hành định giá được giá trị hai thửa đất trên với lý do chưa xác định rõ loại đất, việc cấp đất có phù hợp quy hoạch và nếu phù hợp có phải nộp tiền sử dụng đất không, thời điểm mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì phần hành lang giao thông đã được xác định chưa, khi Nhà nước thu hồi đất hành lang giao thông có được đền bù không. Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành thu thập bổ sung chứng cứ để có căn cứ tiến hành định giá thì thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không yêu cầu đương sự cung cấp giấy tờ nhận chuyển nhượng, không xác minh có việc nhận chuyển nhượng đất từ ông S, vợ chồng ông Tr, bà V và cụ thể diện tích đất nhận chuyển nhượng là bao nhiêu, quá trình thẩm định không mời các hộ liên kề tham dự. Không xác định thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố diện tích đất hành lang giao thông tại vị trí hai thửa đất vì vậy không xác định được tài sản trên đất là có trước hay sau khi công bố quy hoạch hành lang giao thông, từ đó chưa xác định chính xác giá trị của 2 thửa đất cũng như tài sản trên đất là chưa đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Theo lời khai của đương sự tại cấp phúc thẩm thì diện tích đất chuyển nhượng đối với thửa 250 là 80m² và thửa số 48 là 124m², bà Th chỉ cung cấp giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa 250. Tại Công văn số 112/TNMT ngày 23/6/2020 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện L có ý kiến về loại đất: Căn cứ vào sổ mục kê và bản đồ lưu giữ tại UBND thị trấn, thửa 250, diện tích là 108m², thuộc đất ở đô thị và đất hành lang (ODT + HLGT) và thửa số 48, diện tích 124m², thuộc đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm khác (ODT + LNK). Công văn 228/UBND ngày 08/9/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn L thì thửa 250, diện tích là 108m², thuộc đất ở 41,3 m² và 66,7 m² đất hành lang và thửa số 48, diện tích 124m², thuộc đất ở 27,5m² và 96,5m² đất hành lang. Đối chiếu với sổ mục kê do Ủy ban nhân dân thị trấn L cung cấp thì thửa đất số 48 có tổng diện tích là 137,5 m² trong đó có 27,5 m² đất vườn và 110 m² đất hành lang giao thông (phần ghi chú ghi đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Như vậy tại thửa đất số 48 còn có sự chênh lệch về diện tích cũng như loại đất chưa được làm rõ. Do không xác minh làm rõ quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất trên nên Hội đồng định giá lại tài sản không đủ căn cứ để xác định được giá

trị của hai mảnh đất.

Đối với thửa đất số 331 (đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Đoàn Quang Tr) mặc dù ông H không thừa nhận nhưng căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong vụ án đã khẳng định thời điểm bà Th mua đất làm nhà phù hợp với thời điểm rút số tiền 1.315.961.000 đ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, phòng giao dịch huyện L, với việc anh Đoàn Quang Tr khai chỉ đứng tên hộ bố mẹ, không có tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 311 là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ. Tuy nhiên quá trình giải quyết, bà Th khai nhà đất này đang cho Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp Quốc Phòng thuê trong vòng hai năm, tiền thuê này cũng được xác định là tài sản chung theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, yêu cầu các đương sự có ý kiến về việc chia lợi tức thu được từ tiền thuê nhà là thiếu sót.

[2.2.2]. Đối với tài sản là ô tô: Trên cơ sở thống nhất của các đương sự cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định về số lượng và giá trị của ba chiếc ô tô là tài sản chung là có căn cứ. Bà Th yêu cầu chia tiền lợi nhuận thu được từ 3 ô tô từ khi vợ chồng làm thủ tục ly hôn tháng 5/2017 đến nay, bản thân bà Th không có tài liệu chứng minh lợi nhuận thu từ ba chiếc ô tô trên. Về phía ông H khai từ khi vợ chồng làm thủ tục ly hôn ông không chạy xe nữa, xe để một chỗ. Chỉ từ giữa năm 2018, ông có giao 01 chiếc cho con trai là Đoàn Văn Q để chở vật liệu thuê. Qua xác minh, anh Q thừa nhận có chạy 1 xe ô tô biển kiểm sát 29C - 408.14 chở vật liệu thuê từ năm 2018 thu được khoảng 300.000.000đ, trừ xăng dầu chi phí còn lại khoảng 250.000.000đ. Cấp sơ thẩm xác định số tiền 250.000.000đ là tài sản chung nhưng không làm rõ số tiền này ai đang quản lý. Tại cấp phúc thẩm, anh Q khai số tiền này thuộc sở hữu của anh và anh Tr vì ông H giao cho các anh quản lý xe tự thu, tự chi, lợi nhuận 250.000.000đ mà anh khai không bao gồm tiền công chạy, hiện này số tiền này công ty thuê trở vật liệu vẫn còn nợ chưa trả. Như vậy, việc xác định số tiền 250.000.000đ là tài sản chung là chưa đủ căn cứ.

[2.2.3]. Về số tiền mặt:

Ông H thừa nhận đang cầm số tiền là 354.000.000đ đồng cùng số tiền nợ anh Đỗ Cao S 50.000.000đ, Đoàn Văn L 5.000.000đ, Đoàn Văn Kh 15.000.000đ, Công ty TNHH Đ 4.842.000đ và Công ty TNHH vận tải Thương mại V là 58.000.000đ, Công ty N là 11.200.000đ. Tổng số tiền là 144.042.000đ. Bà Th cho rằng Công ty TNHH Đ phải còn nợ 190.000.000đ còn Công ty TNHH V còn nợ 500.000.000đ nhưng không có tài liệu nào chứng minh số tiền còn nợ như bà Th khai. Vì vậy, tổng

số tiền là 144.042.000đ được xác định là tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định tổng số tiền anh Hưng giữ cũng như tiền nợ của Công ty Đ, công ty TNHH V là 132.842.000đ mà không xem xét tiền nợ 11.200.000đ của Công ty N là thiếu sót.

Đối với tiền gửi tại Ngân hàng: Tổng số tiền gửi và tiền lãi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện L từ ngày 12/03/2012 đến ngày 17/5/2017 là 3.676.876.800đ (trong đó gốc là 3.408.000.000đ và lãi là 268.876.800). Quá trình chung sống số tiền đã được bà Th khai rút về để chi tiêu cho gia đình. Đến năm 2017 là thời điểm vợ chồng ly thân thì số tiền còn lại gửi ở Ngân hàng là 1.524.000.000đ, bà Th khai đã rút hai lần vào ngày 16/5/2017 rút 942.000.000 đồng về để ở tử trong nhà nhưng ông H đã lấy mà bà không biết lần rút ngày 17/5/2017 là 582.000.000 đồng đã chi tiêu trong gia đình hết nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời khai trên. Vì vậy, xác định số tiền 1.524.000.000đ là tài sản chung để chia. Đối với tiền 1.315.961.000đ gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Phòng giao dịch huyện L bà Th khai đã rút để mua đất và làm nhà tại tiểu khu 13, thị trấn L, huyện L. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong vụ án đã khẳng định thời điểm bà Th mua đất làm nhà phù hợp với thời điểm rút số tiền 1.315.961.000đ xác định số tiền này không còn.

Đối với 05 cây vàng và 100.000.000đ ông H khai bà Th cầm. Bà Th cho biết đây là khoản tiền từ khi vợ chồng còn hạnh phúc nên đã chi tiêu trong gia đình, sửa chữa xe ô tô hiện không còn, ông H không căn cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông H là đúng.

Từ những phân tích trên thấy rằng việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Cần chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Th, ông Đoàn Quốc H. Hủy bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Bà Th và ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Th và ông Đoàn Quốc H. Hủy phần chia tài sản chung của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2019/HNGĐ – ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình xét xử vụ án kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn bà Đỗ Thị Th và bị đơn ông Đoàn Quốc H. Giao hồ sơ vụ án

cho Tòa án nhân dân huyện L xét xử lại phần chia tài sản chung theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Th và ông Đoàn Quốc H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Th 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002378 ngày 29/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Hoàn trả lại cho ông Đoàn Quốc H 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002380 ngày 04/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết tại cấp sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng